

Lý thuyết mạng lưới xã hội trong nghiên cứu tin đồn

Lữ Thị Mai Oanh¹, Nguyễn Quý Thanh²

¹ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Email: maioanhxhh9@gmail.com

² Trường Đại học Giáo dục.

Email: nqthanh@vnu.edu.vn

Nhận ngày 19 tháng 4 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 3 tháng 6 năm 2019.

Tóm tắt: Mạng lưới xã hội là một cấu trúc xã hội hình thành bởi những cá nhân hay những tổ chức được gắn kết bởi sự phụ thuộc lẫn nhau. Mạng lưới xã hội được áp dụng để tìm hiểu quá trình tương tác giữa cá nhân, nhóm trong các mạng lưới với mối liên hệ mạnh yếu khác nhau dẫn đến sự chuyển biến thông tin thành tin đồn. Bài viết bàn luận, gợi mở những hướng tiếp cận lý thuyết mạng lưới xã hội để tìm hiểu về cơ chế hình thành và lan tỏa tin đồn trong đời sống xã hội.

Từ khóa: Lý thuyết mạng lưới xã hội, mạng lưới xã hội, tin đồn.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Social networks are a social structure formed by individuals or organisations that are linked by interdependences. The networks are applied to understand the process of interaction among individuals and groups in networks with links that are different in strength and lead to transforming information into rumours. In this paper, the authors discuss and suggest approaches to the social network theory to learn about the mechanism of forming and spreading rumours in life.

Keywords: Social network theory, social network, rumours.

Subject classification: Sociology

1. Mở đầu

Tin đồn luôn tồn tại như một hình thức truyền tin từ cá nhân này đến cá nhân khác, từ nhóm này đến nhóm khác trong mọi thời đại, với nhiều hình thức và cấp độ biểu hiện

khác nhau. Theo Allport và Postman, tin đồn là sự khẳng định về một chủ đề được quan tâm mà không có đủ bằng chứng đáng tin cậy được đưa ra [4]. Cụ thể hơn, tin đồn là cách giải thích cho sự việc đang diễn ra tại thời điểm lan truyền về sự kiện mà chưa

có lời giải thích được xác thực [7] và theo Nwokocha [15], bản chất của tin đồn nằm ở tính chưa xác thực đã dẫn đến tin đồn lan truyền phổ biến hơn. Bởi vậy, khi nghiên cứu tin đồn cần tìm hiểu được bản chất tin đồn để từ đó hướng đến các đặc điểm tin đồn diễn ra như thế nào trong các bối cảnh khác nhau. Bản chất tin đồn cần được thể hiện thông qua hai nội dung cơ bản là quá trình giao tiếp giữa các cá nhân và tính xác thực của tin đồn. Tính xác thực của tin đồn không phải nằm ở kết quả tin đồn đúng hay sai mà tin đồn đó đã được làm rõ bởi cơ quan thẩm quyền chưa. Tin đồn, khác với thông tin chính thống của chính phủ và truyền thông ở chỗ, bản chất của nó là sự không được xác thực bởi cơ quan có thẩm quyền, chứ không phải ở việc nó có thể sai sự thật [10].

Có thể thấy, tin đồn là phương thức giao tiếp bằng ngôn ngữ diễn ra hàng ngày được thể hiện thông qua quá trình trao đổi thông tin từ người này sang người khác. Tuy nhiên, trong thời đại phát triển công nghệ thông tin, tin đồn càng có tốc độ truyền tin nhanh chóng và hệ quả là ảnh hưởng từ tin đồn đến xã hội trong nhiều trường hợp không nhỏ. Kèm theo đó, xu hướng dân chủ, tự do ngôn luận trong các quốc gia lại càng làm gia tăng ảnh hưởng của tin đồn đến đời sống xã hội. Tiếp cận lý thuyết xã hội học trong nghiên cứu tin đồn phải kể đến nhiều lý thuyết khác nhau như thuyết truyền thông, thuyết tin đồn, thuyết vòng xoáy sự im lặng... Lý thuyết mạng lưới xã hội là một trong những lý thuyết xã hội học được áp dụng và bàn luận nhiều trong nghiên cứu về dư luận xã hội, truyền thông. Trong số các nghiên cứu về lý thuyết mạng lưới xã hội nổi bật là lý thuyết về sự lây lan của thông tin trong các mạng xã hội, được

gọi là “Sức mạnh của các liên hệ yếu” của nhà xã hội học người Mỹ Mark Granovetter [13]. Cụ thể hơn, nghiên cứu mạng lưới thường tập trung vào hình thù, khuôn mẫu, đặc điểm, quy mô, tính chất quá trình hình thành, vận động và biến đổi của mạng lưới xã hội. Điều này được thể hiện trên cả hai hướng nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính. Nhờ vậy, vận dụng lý thuyết mạng lưới xã hội cho phép tìm hiểu thành phần và kiểu dạng quan hệ xã hội mà cá nhân có thể sử dụng trong quá trình phát tán và truyền tải tin đồn.

Tin đồn không chỉ được lý giải theo khía cạnh tâm lý học mà còn được lý giải dưới góc nhìn của xã hội học để có thể thấy được việc tham gia của công chúng trong quá trình truyền tải tin đồn và ảnh hưởng của tin đồn đến đời sống xã hội hiện nay. Bài viết tìm hiểu lý thuyết mạng lưới xã hội và ứng dụng của lý thuyết để phân tích đặc điểm của cơ chế hình thành, phát triển tin đồn.

2. Lý thuyết mạng lưới xã hội

Theo Caulkins, Sundt chính là người đầu tiên đặt nền móng nghiên cứu mạng lưới xã hội khi thực hiện cuộc khảo sát tổ chức xã hội của những người nông dân trong cộng đồng năm 1856 (nghiên cứu nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa các gia đình thông qua những dịp đặc biệt như đám cưới, đám tang...) [9]. Từ đây, các nhà nhân học, xã hội học và các nhà khoa học xã hội khác như Barnes, Wolf và George Simmel, Jacos Moreno... tiếp tục nghiên cứu đi sâu tìm hiểu về mạng lưới xã hội. John A. Barnes [6], nhà xã hội học thuộc trường phái Manchester lần đầu tiên sử dụng phân tích bằng thuyết mạng lưới xã hội công bố trên

tạp chí *Quan hệ con người*. G.Simmel [20] tập trung khắc họa hình thức mạng tương tác xã hội, Jacos Moreno [14] thì phát triển kỹ thuật trắc nghiệm xã hội nhằm xây dựng các đồ thức xã hội để tiến hành nghiên cứu định lượng về các kiểu mạng lưới xã hội và vai trò giữa các chủ thể trong sự thống nhất và hội nhập xã hội.

Những tư tưởng tiên phong tiếp tục xuất hiện trong triết học xã hội của Georg Simmel đầu thế kỷ XX, tư tưởng tâm lý xã hội của Moreno đầu những năm 1930, nhân học cấu trúc chức năng của Radcliffe Brown [17]. Nghiên cứu mạng lưới hoàn chỉnh dựa vào lý thuyết về biểu đồ hay ma trận để phân tích các dữ liệu về mối quan hệ nhằm làm rõ các đặc tính cấu trúc mạng lưới. Đặc điểm về mặt cấu trúc của một mạng lưới xã hội dựa trên các yếu tố: đặc điểm của mối quan hệ (loại tương tác) định hướng, không định hướng; đối xứng, phi đối xứng; trực tiếp, gián tiếp; tính đồng nhất trong sự tương đồng về đặc điểm giữa các nhân tố về các mối quan hệ, sức mạnh của các quan hệ, tần suất tương tác... và đặc điểm của cấu trúc: kiểu quan hệ, mật độ của các mạng lưới, khoảng cách giữa các thành viên trong mạng lưới, các dạng thức tập trung, những lỗ hổng cấu trúc.

Mạng lưới xã hội được hiểu là một cấu trúc xã hội hình thành bởi những cá nhân hay tổ chức. Trong đó, các cá nhân thường được gắn kết bởi sự phụ thuộc lẫn nhau thông qua những nút thắt như tình bạn, quan hệ họ hàng, sở thích, trao đổi tài chính, quan hệ tình dục, mối quan hệ về niềm tin, kiến thức và uy tín. Những điểm nút gắn kết cá nhân với xã hội chính là mối liên hệ xã hội của mỗi cá nhân. Trong đó, mạng lưới xã hội cũng có thể được dùng như nguồn vốn xã hội và giá trị mà cá nhân có được thông qua

nó. Fitchter đồng thời nhấn mạnh đến mạng lưới xã hội bao gồm nhiều mối quan hệ đôi. Mỗi người trong mạng lưới có liên hệ với ít nhất hai người khác nhưng không ai có liên hệ với tất cả những thành viên khác [11].

Quan điểm khác cho rằng, mạng lưới xã hội là một tập hợp các mối quan hệ giữa các thực thể xã hội. Các thực thể xã hội này không chỉ là các cá nhân mà còn là các nhóm xã hội, các tổ chức, các thiết chế, các công ty xí nghiệp và cả các quốc gia. Các mối quan hệ giữa các thực thể xã hội cũng có thể mang nhiều nội dung khác nhau từ sự tương trợ, trao đổi thông tin cho đến việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ [3]. Ở đây, mạng lưới được xem là phức hợp các mối quan hệ hoạt động giữa các thực thể xã hội trong cộng đồng nhằm trao đổi, tương tác hỗ trợ lẫn nhau. Trong bài viết “Lý thuyết và phương pháp tiếp cận mạng lưới xã hội trường hợp tìm kiếm việc làm của sinh viên”, Lê Ngọc Hùng [2] đã nhấn mạnh mạng lưới xã hội dùng để chỉ phức thể các mối quan hệ xã hội do con người xây dựng, duy trì và phát triển trong đời sống thực với tư cách là thành viên xã hội. Bởi vậy, phân tích mạng lưới là nghiên cứu về cách cấu trúc xã hội của các mối quan hệ xung quanh một người, một nhóm hay tổ chức ảnh hưởng đến niềm tin hoặc hành vi. Tiếp cận mạng lưới trên thực tế được hình thành chủ yếu theo tính chất các mối quan hệ giữa các thuộc tính đơn vị. Trong khoa học xã hội, những đơn vị xã hội bao gồm các cá nhân, nhóm, tổ chức và xã hội. Rogers mô tả mạng lưới thông tin liên lạc bao gồm “cá nhân kết nối với nhau và mỗi người được liên kết bởi các luồng thông tin liên lạc theo khuôn mẫu” [19]. Một mạng lưới thông tin liên lạc trong nghiên cứu phân tích cho thấy, các mối liên kết giữa các cá nhân được tạo ra bởi điểm nút cất thông tin

trong cơ cấu truyền thông giữa các cá nhân. Bên cạnh đó, khi xem xét mạng xã hội tin đồn thông qua các mối quan hệ xã hội về lý thuyết mạng lưới còn nhấn mạnh đến các điểm nút và quan hệ mạng lưới cá nhân. Những điểm nút chính là những thực thể cá nhân trong mạng lưới và các mối quan hệ giữa các thực thể xã hội. Điều này dẫn đến sự phức tạp trong cấu trúc dựa trên đồ thị và nhiều loại quan hệ giữa các điểm nút khác nhau.

Nghiên cứu ở một số lĩnh vực học thuật nhận thấy mạng lưới xã hội hoạt động trên nhiều cấp độ, từ mức độ gia đình đến cấp quốc gia và đóng vai trò quan trọng trong việc xác định các vấn đề được giải quyết như điều hành tổ chức hay mức độ cá nhân thành công trong việc đạt được mục tiêu. Theo cách đơn giản nhất, mạng xã hội là đồ thị tất cả các mối quan hệ liên đến tất cả các điểm nút được nghiên cứu. Nhờ vậy, mạng lưới cũng có thể được xem là giá trị mà một cá nhân đạt được. Ở cấp độ vi mô, nghiên cứu mạng lưới xã hội được thể hiện qua nghiên cứu cấu trúc bên trong của xã hội thông qua mối liên hệ, tương tác và quan hệ xã hội giữa các cá nhân. Trên cấp độ vĩ mô, nghiên cứu của M.Granovetter nhấn mạnh về mật độ và cường độ của mạng lưới xã hội phản ánh những đặc điểm của mạng lưới xã hội có tác dụng khác nhau đối với giao tiếp và sự hội nhập xã hội.

Những kết nối diễn ra ở cấp độ cấu trúc xã hội vĩ mô cũng như cấp độ vi mô. Mark Granovetter nhấn mạnh đến kết nối vi mô như là hành động được gán cho quan hệ cá nhân cụ thể và cấu trúc mạng lưới của các mối quan hệ đó. Mark Granovetter đã đi sâu phân tích mật độ, cường độ, sự tin cậy thông qua mối liên hệ mạnh yếu trong mạng lưới xã hội nhằm đo lường sức mạnh của các mối

liên hệ đó. Ông đã phân biệt các mối quan hệ mạnh, yếu trong mạng lưới theo 5 tiêu chí: độ dài của các mối quan hệ dựa trên 2 yếu tố là “thâm niên” của mối quan hệ và thời gian sinh hoạt chung của các cá nhân trong mạng lưới; sự xúc cảm, tình cảm giữa các cá nhân trong mối quan hệ đó; sự tin cậy của các mối quan hệ; tác động tương hỗ giữa các cá nhân trong các mối quan hệ; tính đa dạng về nội dung của các quan hệ. Các yếu tố này theo Granovetter có thể độc lập hoặc tương quan nhau.

Theo Mark Granovetter, lý thuyết về vấn đề sức mạnh của những kết nối mạnh/yếu nhấn mạnh đến mối quan hệ xã hội thường được liên tưởng đến tần suất thời gian gặp gỡ, mức độ tình cảm hay tính thân mật và sự tương hỗ lẫn nhau. Những yếu tố trên có thể đứng độc lập hoặc thể hiện tương quan với nhau. Theo ông, sự kết nối xã hội mạnh chính là mức độ hiểu biết giữa các chủ thể với nhau và mối liên hệ chặt chẽ, gắn bó giữa các thành viên trong cộng đồng. Cụ thể hơn, quan hệ mạnh được xem là các mối quan hệ chiếm nhiều thời gian của các thực thể xã hội với nội dung phong phú và độ tin cậy, cường độ cảm xúc cao (điều này được thể hiện rất rõ thông qua mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, nhóm bạn thân, đồng hương...). Tuy nhiên, mối quan hệ mạnh cũng thể hiện nhược điểm lớn là xu hướng khép kín trong mạng lưới của mình và do đó hạn chế các thực thể xã hội trong việc lập đi lập lại thông tin lưu chuyển trong mạng lưới và ít thể hiện được những điểm mới trong đó.

Đối lập với những kết nối mạnh là kết nối yếu hoặc kết nối không tồn tại các mối liên hệ. Kết nối yếu được thể hiện thông qua khái niệm cầu nối nhằm thực hiện những mối liên hệ gián tiếp bên ngoài cộng

đồng của cá thể [13, tr.1364]. Cụ thể hơn, kết nối yếu nhấn mạnh đến những mối quan hệ lỏng lẻo giữa các thành viên trong cộng đồng, thay vào đó là những kết nối bên ngoài cộng đồng. Đây chính là các mối quan hệ không chiếm nhiều thời gian của các thực thể xã hội và thể hiện nội dung, độ tin cậy cũng như cường độ cảm xúc ít hơn (mối quan hệ những người biết mà không thân thiết...). Tuy nhiên, để xác định được mối liên hệ chặt chẽ hay lỏng lẻo giữa các cộng đồng cần căn cứ vào mức độ kết nối gián tiếp của 2 cá thể mà thông qua một trong hai cá thể đó có thể liên hệ được bao nhiêu mối quan hệ với bên ngoài. Mặc dù hạn chế trong mối quan hệ mở, ít ràng buộc song quan hệ yếu lại mang xu hướng ngoại, giúp thu nhận được nhiều thông tin mới mẻ, phong phú và có thể mở rộng mạng lưới xã hội của các cá nhân.

Đặc biệt, Mark Granovetter nhấn mạnh đến quan hệ yếu khi phát hiện được những ưu điểm trong đó. Ông cho rằng, mật độ và cường độ của các mối liên hệ xã hội có tác dụng khác nhau trong giao tiếp và hội nhập xã hội. Khác với các quan điểm thông thường, cá nhân có mạng lưới xã hội dày đặc khép kín, trong đó mọi người đều quen biết và thân thiết có thể tạo ra sự hạn chế trong trao đổi thông tin và cản trở sự liên hệ với thế giới bên ngoài. Nhưng đối với mạng lưới xã hội gồm các mối liên hệ yếu ớt, lỏng lẻo và thưa thớt lại là hướng quan hệ mở có lợi cho sự trao đổi thông tin và tạo ra sự hội nhập xã hội cũng như theo đuổi mục đích cá nhân. Bởi vậy, đây chính là “hiệu ứng mạnh của các mối liên hệ yếu” [13] mà Mark Granovetter nhấn mạnh và quan tâm.

Để xác định hoặc so sánh giữa cá nhân, nhóm, cộng đồng này và cá nhân, nhóm, cộng đồng kia có mối liên hệ chặt chẽ hay

lỏng lẻo, phải căn cứ vào mức độ kết nối gián tiếp của 2 cá thể mà thông qua đó cá thể này hoặc cá thể kia có thể liên kết được thêm bao nhiêu mối quan hệ với bên ngoài [13, tr.1365]. Sức mạnh của những kết nối yếu chính là đề cập đến những mối quan hệ lỏng lẻo trong cá nhân, nhóm, cộng đồng dẫn đến những mối quan hệ bên ngoài cá nhân, nhóm, cộng đồng, phá vỡ yếu tố địa phương, dòng họ và làm tăng những mối quan hệ xã hội ra bên ngoài.

Trong nghiên cứu tin đồn thông qua không gian bán công cộng, các cá nhân, nhóm có thể thực hiện trao đổi thông tin trong mạng lưới kết nối mạnh/yếu của mình. Nơi đây, các cá nhân vừa có cảm giác đó là một nơi mình có thể đến, nói chuyện và trao đổi về nhiều vấn đề khác nhau (lĩnh vực công và tư), nhưng đồng thời cũng cần phải tuân thủ những quy định được người chủ sở hữu đặt ra. Với tính chất như vậy, những người đến đây có thể tìm thấy một góc riêng cho mình. Các cá nhân, nhóm có thể đến để cùng chia sẻ những thông tin, sự kiện, bàn tán tin đồn với những cá nhân, nhóm khác trong mối liên hệ yếu hay mạnh. Mối liên hệ yếu có thể là những người khách lạ, đối tác tình cờ gặp gỡ, trao đổi thông tin. Mối liên hệ mạnh có thể là nhóm bạn thân, người thân, đồng hương hay những người quen thân từ trước... Trong đó, nhóm liên hệ yếu theo quan điểm của Mark Granovetter có thể phát huy sức mạnh của mình khi mạng lưới rộng giúp bao phủ thông tin đến các đối tượng khác được nhiều hơn so với mối liên hệ mạnh. Từ thông tin của một người lạ, gặp gỡ và trao đổi về tin đồn cụ thể có thể được truyền lại trong gia đình, người thân, bạn bè và cả những cá nhân, nhóm người lạ khác. Tin đồn chủ yếu dựa vào cảm xúc chủ quan nên có tính tự phát lớn, lan truyền nhanh và

thường bị xuyên tạc bởi tính chủ quan người đưa tin. Bởi vậy đây chính là không gian cho những tin đồn được hình thành, lan tỏa mạnh thông qua con đường truyền miệng.

Tiếp cận mạng lưới xã hội ngoài mỗi liên hệ mạnh/yếu của Granovetter không thể không xem xét các thành phần cấu trúc liên mạng. Yếu tố đầu tiên trong mạng chính là các chủ thể quan hệ. Chủ thể ở đây có thể được hiểu là những cá nhân, tổ chức, hiệp hội... Một hay nhiều các quan hệ của hai chủ thể liên kết với nhau gọi là một nút. Mạng xã hội là tập hợp nhóm của các nút. Trong xã hội, không một cá nhân nào có thể sống mà tách biệt được với nhóm, tập thể nhất định và theo quan điểm của K.Mark, “con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”, chính vì vậy các cá nhân luôn chịu sự tác động chi phối của các mối quan hệ này. Cụ thể hơn, chính các nhóm, tổ chức xã hội mà cá nhân là thành viên có những tác động, chi phối và qui định các quan hệ của các cá nhân. Tùy thuộc vào mỗi quan hệ là yếu hay mạnh mà sự qui định đó có tính chất mạnh yếu khác nhau.

Mạng lưới xã hội với tư cách là cấu trúc xã hội bao gồm các mối tương tác xã hội và trao đổi xã hội thông qua mỗi quan hệ mạnh/yếu khác nhau. Tùy thuộc vào tính chất từng sự kiện, vấn đề được đưa ra trao đổi trong mỗi quan hệ mạnh/yếu khác nhau mà các thành viên chia sẻ trách nhiệm, nghĩa vụ cũng như những lợi ích ràng buộc theo hướng mục đích của mỗi cá nhân trong đó. Dù mạng lưới có thể là sự kết hợp không bền vững song lí thuyết mạng lưới dường như dựa trên một tập hợp các nguyên tắc có cấu trúc chặt chẽ. Điều này được thể hiện thông qua các yếu tố cụ thể như: (1) Mỗi liên hệ giữa các chủ thể có tính đối xứng trên cả mặt nội dung và

cường độ mạnh yếu khác nhau. Cụ thể hơn, các thực thể xã hội cung ứng những điều mình có cho nhau theo cường độ mạnh và yếu; (2) Mỗi liên hệ giữa các cá nhân được diễn giải trong không gian cấu trúc của mạng lưới lớn hơn; (3) Tính cấu trúc của các liên hệ xã hội dẫn đến nhiều loại mạng lưới xác định khác nhau. Tuy nhiên có sự hạn chế về số lượng mỗi liên hệ có thể tồn tại và thể hiện cường độ gắn kết giữa chúng có thể dẫn đến phát triển các cụm mạng lưới với các ranh giới riêng biệt; (4) Sự tồn tại của các cụm mạng lưới dẫn đến việc có thể liên kết chéo giữa các cụm cũng như các cá thể; (5) Các liên hệ phi cân xứng giữa các yếu tố trong một hệ thống mà kết quả là các nguồn lực hiếm hoi được phân bổ không đồng đều; (6) Sự phân bổ không đồng đều các nguồn lực dẫn đến sự cộng tác và cạnh tranh. Nhờ vậy, thuyết mạng lưới xã hội đã thể hiện được tính năng động với cấu trúc của hệ thống biến đổi theo các khuôn mẫu chuyển biến theo các liên minh và xung đột [1].

Phương pháp luận của lý thuyết mạng lưới xã hội liên quan đến các nghiên cứu về xã hội học, nhân học và nhiều chuyên ngành khoa học xã hội. Có thể thấy, mạng lưới xã hội là cách tiếp cận mới với công cụ nghiên cứu được xây dựng trên 4 định đề cơ bản: cá nhân cá thể hoá trong các mối quan hệ; kinh nghiệm được sử dụng và mang ý nghĩa trong hệ thống các mối quan hệ; mỗi quan hệ quyết định một phần các kinh nghiệm thực tế và các biểu hiện của nó; nghiên cứu các mối quan hệ giúp ta hiểu được các hiện tượng xã hội.

Như vậy, theo quan niệm của Mark Granovetter về mạng lưới xã hội trong nghiên cứu tin đồn có thể tóm lại ở hai nội dung sau: *Thứ nhất*, trong mỗi liên hệ yếu

của Mark Granovetter có thể phát huy sức mạnh khi mạng lưới rộng giúp bao phủ thông tin đến các đối tượng khác được nhiều hơn so với mỗi liên hệ mạnh. Từ thông tin của một người lạ, gặp gỡ và trao đổi về tin đồn cụ thể có thể được truyền lại trong gia đình, người thân, bạn bè và cả những cá nhân, nhóm người lạ khác; *thứ hai*, mỗi liên hệ mạnh được xem là các mối quan hệ chiếm nhiều thời gian của các thực thể xã hội với nội dung phong phú và độ tin cậy, cường độ cảm xúc cao. Tuy nhiên, mỗi quan hệ mạnh bị hạn chế bởi xu hướng khép kín trong mạng lưới việc lặp đi lặp lại thông tin lưu chuyển trong mạng lưới ít thể hiện được những điểm mới.

3. Vận dụng lý thuyết mạng lưới xã hội trong nghiên cứu tin đồn

Lý thuyết mạng lưới xã hội đã được vận dụng rất nhiều trong việc tìm hiểu các quá trình truyền tải và phát triển của tin đồn cũng như vai trò của tin đồn trong các nhóm, tổ chức có các kiểu quan hệ khác nhau. Vận dụng cách tiếp cận lý thuyết mạng lưới xã hội để phân tích và lý giải sự tham gia xã hội của các cá nhân trong nghiên cứu tin đồn cho thấy: mỗi chủ thể dựa trên mạng lưới xã hội mà mình đang có sẽ tham gia vào các nhóm, tổ chức thông qua các mối liên kết giữa các cá nhân và nhóm xã hội. Khi phân tích quá trình hình thành và phát triển của tin đồn, cần tiếp cận vấn đề dưới góc độ của lý thuyết mạng lưới xã hội để tìm hiểu xem tin đồn đã được lan truyền như thế nào giữa các cá nhân, các nhóm trong các mạng lưới với mỗi liên hệ mạnh yếu khác nhau.

Tiếp cận lý thuyết mạng lưới xã hội để phân tích và lý giải sự tham gia của các cá nhân vào quá trình truyền tải và tiếp nhận tin đồn. Lý thuyết mạng lưới xã hội chỉ cho thấy khi nghiên cứu về cơ chế lan truyền tin đồn hay tìm hiểu sự hình thành tin đồn chúng ta cần phải quan tâm xem các cá nhân với vai trò khác nhau trong nhóm xã hội họ sẽ tham gia với vai trò như thế nào trong quá trình hình thành và phát triển của tin đồn. Và liệu rằng sự phát triển của tin đồn có khác nhau trong các nhóm xã hội khác nhau? Lý thuyết mạng lưới chỉ ra rằng trong mỗi nhóm xã hội khác nhau, chủ thể sẽ có những hành vi, vai trò và địa vị khác nhau. Vậy, với vị trí khác nhau đó họ sẽ tham gia như thế nào vào quá trình hình thành và phát tán tin đồn? Sự tham gia xã hội của con người được thể hiện ở những mối liên hệ, sợi dây liên kết giữa các cá nhân, các nhóm xã hội với nhau trên cơ sở tập trung vào các hành vi ứng xử giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với nhóm, cá nhân với xã hội. Đó có thể là mối quan hệ mang tính bền chặt hoặc là các mối quan hệ bình thường và không bền chặt (hay còn gọi là mối quan hệ đóng và mối quan hệ mở). Trong cuộc sống của mỗi người đều tồn tại các mạng lưới các quan hệ tương đối chằng chịt với nhiều cấp độ, tùy thuộc vào các chủ thể của mỗi quan hệ đó là ai, thuộc phân tầng xã hội nào. Các quan hệ chằng chịt với nhiều cấp độ mà các cá nhân tham gia vào có làm tăng thêm sự lan tỏa của tin đồn trong không gian bán công cộng hay không? Và liệu rằng với các mối liên hệ chặt như những người thân trong gia đình hay mối liên hệ thường xuyên giữa những người đồng nghiệp, những người bạn thân có tạo ra sự hạn chế trong quá trình hình thành và phát tán tin đồn như quan điểm của Mark Granovetter hay không? Tiếp cận tin

đồn và sự phát tán tin đồn dưới góc độ của lý thuyết mạng lưới sẽ giúp nhìn nhận và lý giải được tính chất, mức độ tham gia vào các hoạt động xã hội, nhóm xã hội của mỗi cá nhân thông qua hệ thống các mối liên hệ của họ trong cuộc sống. Từ việc lý giải cách thức các cá nhân thể hiện hành vi của bản thân trong nhóm, có thể nhận biết được hình thức và nội dung của sự tham gia, các mối lợi ích cũng như vai trò, trách nhiệm mà mỗi người nắm giữ trong mạng lưới các mối liên hệ. Bên cạnh đó, cách tiếp cận mạng lưới xã hội cũng sẽ giúp cho việc lý giải một phần những đặc trưng, tính chất và các mối liên kết giữa cá nhân với cá nhân trong một nhóm và giữa cá nhân với các nhóm khác nhau trong xã hội. Nhìn vào sơ đồ mạng xã hội mà một cá nhân đạt được có thể nhìn thấy được mức độ rộng, hẹp trong các mối quan hệ cũng như khả năng tham gia xã hội của cá nhân.

Trong bối cảnh mà các phương tiện truyền thông đang ngày càng phát triển thì việc ứng dụng các kỹ thuật phân tích mạng lưới cũng chỉ cho thấy cần phải tìm hiểu vai trò truyền thông của các cá nhân trong các nhóm, tổ chức xã hội khác nhau. Có thể thấy trong một nhóm, hay trong một tổ chức luôn có những người giữ vai trò như ngôi sao, người gác cổng hay thậm chí là người bị cô lập trong quá trình truyền thông. Vậy, trong các bối cảnh với các nhóm khác nhau thì ai, cá nhân nào sẽ là người giữ vai trò truyền tin? Ai là người gác cổng và ai là người bị cô lập? Lý thuyết mạng lưới cho ta thấy các cá nhân khi tham gia vào các hoạt động xã hội sẽ không chỉ tham gia với tư cách cá nhân, mà họ tham gia vào các quá trình này thông qua mạng lưới các mối quan hệ mạnh - yếu của mình. Mặt khác, cá nhân thường lựa chọn cách

ứng xử khác nhau tương ứng từng nhóm với từng mối liên hệ và tác động ra sao tới hành vi truyền tải, tiếp nhận tin đồn.

Trong nghiên cứu tin đồn, lý thuyết mạng lưới xã hội được vận dụng ở tầm vi mô và vĩ mô. Vận dụng lý thuyết này vào nghiên cứu giúp ta có cơ sở lý giải một cách tương đối về nguồn gốc mô hình lan tỏa tin đồn từ cá nhân, nhóm này đến cá nhân, nhóm khác. Trong đó, cá nhân khi tham gia xã hội sẽ thông qua mạng lưới các mối quan hệ mạnh - yếu của mình để gia nhập vào các nhóm, các tổ chức xã hội khác nhau. Các nhóm xã hội này lại có những khác biệt nhất định về kinh tế, mối quan hệ, quyền lực... và cá nhân thông qua đó để lựa chọn cách ứng xử khác nhau tương ứng từng nhóm với mối liên hệ cụ thể. Mỗi một mối liên kết trong mạng lưới của cá nhân có thể cho thấy rõ sự đa dạng trong lối sống, hành vi ứng xử, địa vị, vai trò của cá nhân đó. Tuy nhiên, mỗi một cá nhân có một mạng lưới và toàn bộ xã hội là một hệ thống các mạng lưới xã hội đan xen, bện chặt vào nhau và không giống nhau. Bởi vậy, các cá nhân có cơ hội thu - nhận các luồng thông tin không giống nhau nên dẫn đến sự khác nhau trong tham gia xã hội giữa các cá nhân trong các nhóm xã hội khác nhau.

4. Kết luận

Tin đồn là một hiện tượng thường gặp trong đời sống xã hội phản ánh kết cấu tinh thần, tâm lý đặc trưng của một nhóm người nhất định. Sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là các phương tiện truyền thông đã tạo điều kiện để tin đồn phát triển, lan tỏa và có tác động sâu rộng đến cuộc sống của mọi tầng lớp trong xã hội. Bởi vậy, việc áp

dụng lý thuyết mạng lưới xã hội của Granovetter trong nghiên cứu tin đồn sẽ giúp lý giải sự tương tác giữa các cá nhân, nhóm trong mạng lưới xã hội thể hiện qua mối liên hệ mạnh/yếu khác nhau về các sự kiện, hiện tượng xã hội. Các đặc tính mới của sự kiện tin đồn xuất hiện khi chúng được đặt trong mạng lưới xã hội và những đặc tính có sẵn ở cấu trúc các mạng lưới không chỉ đơn thuần dừng lại ở các cá nhân trong đó. Đặc biệt, xã hội là tập hợp của nhiều cá nhân với một vị thế xã hội nhất định và tham gia mạng lưới quan hệ xã hội dựa trên lợi ích nhằm tồn tại trong một cơ cấu xã hội. Bởi vậy, nghiên cứu sự kiện tin đồn thông qua mạng lưới xã hội sẽ góp phần làm sáng tỏ sự lan truyền tin đồn khi được trao đổi thông qua giữa các cá nhân, nhóm tùy theo mức độ gắn bó giữa các cá nhân nhằm phản ánh được bản chất mỗi sự kiện khi đưa ra. Từ đó, lý giải ý nghĩa chỉ đạo hành động nảy sinh trong mối quan hệ giữa các cá nhân, nhóm nhằm thấy được cơ chế hình thành, phát triển tin đồn thông qua lý thuyết mạng lưới xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Quang Hà (2001), *Các lý thuyết xã hội học*, t.1, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Lê Ngọc Hùng (2003), “Lý thuyết và phương pháp tiếp cận mạng lưới xã hội: trường hợp tìm kiếm việc làm của sinh viên”, *Tạp chí Xã hội học*, số 2.
- [3] Lê Minh Tiến (2006), “Tổng quan phân tích mạng lưới xã hội trong nghiên cứu xã hội”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 9.
- [4] Allport G.W., Postman L. (1947), *The Psychology of Rumor*, H. Holt and Company.
- [5] Anthropology, S. (1963), *Translated by Claire Jacobson and Brooke Grundfest Schoepf*, trans, Basic Books: New York.
- [6] Barnes, J. A. (1954), Class and committees in a Norwegian island parish, *Human relations*, No.7(1).
- [7] Bearman, P. S. (1993), *Relations into Rhetorics: Local Elite Social structure in Norfolk, England, 1540-1640*, New Brunswick, New Jersey: Rutgers University Press.
- [8] Carpentier, N., & Bernard, P. (2011), “The Complexities of Help-seeking: Exploring Challenges through a Social Network Perspective”, In *Handbook of the Sociology of Health, Illness, and Healing*, Springer, NY, New York.
- [9] Caulkins, D. (1981), “The Norwegian connection: Eilert Sundt and the idea of social networks in 19th century ethnology”, *Connections*, No.4(2).
- [10] DiFonzo, N., & Bordia, P. (2000), “How top PR Professionals Handle Hearsay: Corporate Rumors, their Effects and Strategies to Manage them”, *Public Relations Review*, No.26(2).
- [11] Fichter, J. H. (1957), “Sociology of Religion”, *Commonweal* 66.
- [12] Furht, B. (Ed.) (2010). *Handbook of Social Network Technologies and Applications*, Springer Science & Business Media.
- [13] Mark Granovetter (1973), “The Strength of Weak Ties”, *American Journal of Sociology*, Vol.78.
- [14] Moreno, J. L. (1934), *Who shall survive?: A new approach to the problem of human interrelations*, Nervous and Mental Disease Publishing Company, Washington, DC.
- [15] Nkpa, Nwokocha KU. (1975), “Rumor Mongering in War Time”, *The Journal of Social Psychology*, No.96(1).
- [16] Peterson, W. A., and Gist, N. P. (1951), “Rumor and public opinion”, *American Journal of Sociology*, No.57(2).
- [17] Radcliffe-Brown, A. (1940), “On Joking Relationships”, *Journal of the International African Institute*, Vol. 3, No.13.
- [18] Rosnow, R. L. (2001), *Rumor and Gossip In Interpersonal Interaction and Beyond: A Social Exchange Perspective*, In R. M.
- [19] Rogers, E. M. (1986), *Communication Technology*, Vol. 1, Simon and Schuster.
- [20] Simmel, G. (1955), “The web of group affiliations”, *Conflict and the web of group affiliations*, Free press, New York.
- [21] Wolfe, A. W. (1978), “The Rise of Network Thinking in Anthropology”, *Social networks*, No.1(1).

